

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quang Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hùng và bà Đinh Thị Thanh Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Mai Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 07-3-2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-4-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10-5-2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

*Bị đơn:* Anh Đặng Xuân H1, sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2024 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Xuân H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 07-01-2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không

cải thiện được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Xuân H1

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Xuân H1 có hai con chung là Đặng Xuân L, sinh ngày 06-4-2002 và Đặng Hoàng L1, sinh ngày 10-9-2012. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu L đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đặng Xuân H1 không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh H1 không có lời khai trong hồ sơ và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Xuân H1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H1, chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Xuân H1 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 07-01-2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh H1 không có mặt, thể hiện anh H1 không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Xuân H1 có hai con chung là là Đặng Xuân L, sinh ngày 06-4-2002 và Đặng Hoàng L1, sinh ngày 10-9-2012, cháu Đặng Xuân L đã trên 18 tuổi và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có nguyện vọng giao cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Hoàng L1 và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Đặng Hoàng L1 có nguyện vọng được ở với chị H. Nguyện vọng của chị phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 và quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh H1 không có lời khai nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đặng Xuân H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Hoàng L1, sinh ngày 10-9-2012, cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đặng Xuân H1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu L1.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000268 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 07/3/2024.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Nguyễn Phúc, TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Bùi Quang Trung**

